

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **126/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 20-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài.

Ông Phạm Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Tuyết H, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tùng L, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quách Thị X, sinh năm 1950 (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị N (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

5. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Châu Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Tuyết H và anh Nguyễn Tùng L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Bạc Liêu) ngày 29-3-1996. Do anh L không lo làm ăn và không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên chửi mắng, xúc phạm danh dự chị H. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1996 và Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 11-6-2004, hiện nay đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao cháu N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 nền nhà ngang 04m x 40m tại khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau đứng tên Nguyễn Tùng L do bà Quách Thị X tặng cho năm 2012. Trên phần đất có 01 căn nhà trước diện tích 80,8m²: Khung cây gỗ địa phương, mái lợp tol xi măng, vách thiết, nền gạch bông, mặt trước xây mặt gió và 01 căn nhà sau diện tích 33,2m²: Nền tráng xi măng, khung sườn cây gỗ địa phương, vách thiết + lá, mái tol xi măng + tol + thiết và 01 căn nhà tiền chế cặp mé sông: Sàn bê tông, nền lát gạch bông, vách thiết, mái tol, cột sắt diện tích 51,6m²; phần cuốn nền nhà xây gạch ống dày 20cm, diện tích 18,92m²; 01 tivi 40 inch hiệu Samsung và 01 tủ lạnh hiệu Sanyo. Chị H yêu cầu chia tất cả tài sản nêu trên theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2019 và tại phiên tòa, chị Châu Tuyết H trình bày:

Chị H xin rút lại yêu cầu phân chia: 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter 135 mua của Nguyễn Hoàng A, hiện nay Nguyễn Minh Tr làm phương tiện đi lại. Diện tích đất trồng tràm 02 ha tại ấp 13, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau do bà Quách Thị X đứng tên sổ hợp đồng giao khoán ngày 10-12-2015, thời hạn giao khoán 20 năm. Khoản tiền bán tràm 25.000.000 đồng và tiền cho thuê căn nhà 15.000.000 đồng anh L đang quản lý.

Bị đơn anh Nguyễn Tùng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất với lời trình bày của chị H về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ việc quản lý tài chính trong gia đình dẫn đến xảy ra bất đồng ý kiến. Nay anh L đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Khi ly hôn, anh L đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 11-6-2004, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- 01 diện tích đất ngang 04m x 40m tại khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau đứng tên Nguyễn Tùng L là do bà Quách Thị X cho riêng anh nên không đồng ý chia. Trường hợp có căn cứ xác định diện tích đất là tài sản chung thì anh đồng ý phân chia theo tỷ lệ 6/4 và anh yêu cầu nhận diện tích đất, đồng ý trả lại cho chị H 40% giá trị theo chứng thư thẩm định giá. Anh L xác định căn nhà tiền chế và phần cuốn nền là tài sản chung, đồng ý nhận nhà và phần nền và đồng ý giao lại cho chị H 40% giá trị.

- Anh L đồng ý giao: 01 căn nhà trước và 01 căn nhà sau; 01 tivi 40 inch hiệu Samsung và 01 tủ lạnh hiệu Sanyo cho chị H được hưởng, chị H phải di dời để giao lại diện tích đất và anh không yêu cầu chị H trả lại giá trị.

Anh Nguyễn Tùng L rút lại toàn bộ yêu cầu phân chia các tài sản theo đơn yêu cầu ngày 14 tháng 6 năm 2018 gồm: 01 tủ đựng chén, 01 bàn bê ca và 10 cái ghế nhựa, 01 máy giặt (loại 07kg), 01 máy phát điện hiệu Honda, 01 cối xay bột, 01 cối xay chả, 01 cối nạo dừa, 01 bộ xoong (03 cái), 03 cái nồi hấp bánh, 01 cái nệm ngủ, 01 cái chăn đắp, 01 cái màng tin, 100 cái chén; 01 phần hui 500.000 đồng do bà Nguyễn Thị K làm chủ, có 25 phần với số tiền 12.500.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Tổng trị giá 70.500.000 đồng.

Tại phiên tòa anh L và chị H thống nhất với nội dung biên bản xem xét thẩm định và Kết luận chứng thư giám định và thẩm định giá tài sản của Công ty E.

Tại bản tự khai ngày 27-7-2018 bà Nguyễn Thị K trình bày: Năm 2016 bà K mở dây hui 500.000 đồng, có 25 phần, anh L tham gia 03 phần. Anh L hót 02 phần, chị H hót phần hui còn lại và đã đóng lại đến khi mãn. Đồng thời bà K yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà X, anh T, chị N, anh Tr và anh A đúng theo quy định pháp luật nhưng các đương sự không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại văn bản ngày 20-11-2019 thể hiện: Nguyên vọng của cháu Tuyết N muốn sống chung với anh L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh L; giao con chung là Tuyết N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị H và anh L về việc giao cho chị H được hưởng 01 căn nhà trước và 01 căn nhà sau; 01 tivi 40 inch hiệu Samsung và 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, tổng giá trị tài sản 82.277.600 đồng; giá trị phần cuốn nền, phần diện tích đất và căn nhà tiền chế được chia 4 phần tương ứng 144.414.750 đồng. Tổng cộng chị H được hưởng 226.692.350 đồng, anh L được hưởng 6 phần tương ứng số tiền 216.622.126

đồng và anh L tiếp tục quản lý phần đất, 01 căn nhà tiền chế và phần cuốn nền trên diện tích đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà K có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật. Bà X, anh T, chị N, anh Tr và anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Tuyết H và anh Nguyễn Tùng L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Bạc Liêu) ngày 29-3-1996 đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Tại phiên tòa, chị H và anh L thuận tình ly hôn; thỏa thuận giao cháu Nguyễn Tuyết N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về quyền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận. Đối với cháu Nguyễn Minh Tr hiện nay đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất cũng như khả năng nhận thức bình thường nên không đặt ra xem xét.

[4] Tại phiên tòa, chị H xin rút lại yêu cầu phân chia: 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter 135; diện tích đất trồng tràm 02 ha tại ấp 13, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau do bà Quách Thị X đứng tên sổ hợp đồng giao khoán; khoản tiền bán tràm 25.000.000 đồng và tiền cho thuê căn nhà 15.000.000 đồng anh L đang quản lý. Anh Nguyễn Tùng Lâm rút lại toàn bộ yêu cầu phân chia các tài sản gồm: 01 tủ đựng chén, 01 bàn bê ca và 10 cái ghế nhựa, 01 máy giặt (loại 07kg), 01 máy phát điện hiệu Honda, 01 cối xay bột, 01 cối xay chả, 01 cối nạo dừa, 01 bộ xoong (03 cái), 03 cái nồi hấp bánh, 01 cái nệm ngủ, 01 cái chăn đắp, 01 cái màn tin, 100 cái chén; 01 phần hụi 500.000 đồng do bà Nguyễn Thị K làm chủ, có 25 phần với số tiền 12.500.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Xét việc rút đơn yêu cầu của chị H và anh L là trên tinh thần tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút.

[5] Chị H yêu cầu phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị 01 căn nhà trước trị giá 61.004.000 đồng và 01 căn nhà sau 14.873.600 đồng; 01 tivi 40 inch hiệu Samsung giá trị 4.200.000 đồng và 01 tủ lạnh hiệu Sanyo giá trị 2.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 82.277.600 đồng. Anh L đồng ý giao cho chị H được hưởng toàn bộ các tài sản nêu trên, chị H phải di dời để giao lại diện tích đất và anh

không yêu cầu chị H trả lại giá trị. Chị H đồng ý theo sự tự nguyện của anh L nên được chấp nhận.

[6] Đối với căn nhà tiền chế trị giá 123.303.360 đồng và phần cuốn nền trị giá 6.644.704 đồng. Tổng 129.948.064 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh L và chị H thống nhất là tài sản chung, thỏa thuận anh L nhận nhà và phần cuốn nền và đồng ý giao lại cho chị H 40% giá trị bằng 51.979.225 đồng.

[7] Đối với diện tích đất 219,6 m² tọa lạc tại khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau đứng tên Nguyễn Tùng L là do bà Quách Thị X cho riêng anh nên không đồng ý chia. Căn cứ hồ sơ cấp quyền sử dụng đất thấy rằng, diện tích đất nêu trên có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Quách Thị X với diện tích 5.956m², thuộc thửa số 257 và 258, tờ bản đồ số 1 (BĐ 299). Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên chấp nhận yêu cầu của chị H phân chia theo tỷ lệ 6/4, giao toàn bộ diện tích đất cho anh L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đã được cấp và buộc anh L có nghĩa vụ giao cho chị H 40% giá trị với số tiền 92.435.525 đồng. Như đã phân tích, chị H được hưởng tổng cộng 226.692.350 đồng, anh L được hưởng 6 phần tương ứng số tiền 216.622.126 đồng và anh L tiếp tục quản lý phần đất, 01 căn nhà tiền chế và phần cuốn nền trên diện tích đất. Anh L có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền 144.414.750 đồng.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là 11.334.617 đồng; anh L chịu án phí có giá ngạch 10.831.106 đồng; anh L và chị H mỗi người phải chịu ½ chi phí đo đạc và định giá tài sản, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Châu Tuyết H ly hôn với anh Nguyễn Tùng L.

- Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Tuyết N (nữ), sinh ngày 11-6-2004 cho anh Nguyễn Tùng L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Châu Tuyết H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung:

+ Chị Châu Tuyết H được hưởng: 01 căn nhà trước và 01 căn nhà sau; 01 tivi 40 inch hiệu Samsung và 01 tủ lạnh hiệu Sanyo. Tổng giá trị tài sản 82.277.600 đồng.

Buộc chị H có nghĩa vụ di dời 01 căn nhà trước diện tích 80,8m²: Khung cây gỗ địa phương, mái lợp tol xi măng, vách thiết, nền gạch bông, mặt trước xây mặt gió và 01 căn nhà sau diện tích 33,2m²: Nền tráng xi măng, khung sườn cây gỗ địa phương, vách thiết + lá, mái tol xi măng + tol + thiết.

+ Anh Nguyễn Tùng L được hưởng: Diện tích đất 219,6 m² tọa lạc tại khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau đứng tên Nguyễn Tùng L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp ngày 23-5-2012 với diện tích 5.956m², thuộc thửa số 257 và 258, tờ bản đồ số 1 (BĐ 299) và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà tiền chế sàn bê tông, nền lát gạch bông, vách thiết, mái tol, cột sắt diện tích 51,6m²; phần cuốn nền nhà xây gạch ống dày 20cm, diện tích 18,92m². *(Có kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 29 tháng 12 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Cà Mau).*

Buộc anh Nguyễn Tùng L có nghĩa vụ trả lại cho chị Châu Tuyết H 40% giá trị tài sản với số tiền 144.414.750 đồng.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản của chị Châu Tuyết H: 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter 135; diện tích đất trồng tràm 02 ha tại ấp 13, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau; khoản tiền bán tràm 25.000.000 đồng và tiền cho thuê căn nhà 15.000.000 đồng anh L đang quản lý.

+ Đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản của anh Nguyễn Tùng L: 01 tủ đựng chén, 01 bàn bê ca và 10 cái ghế nhựa, 01 máy giặt (loại 07kg), 01 máy phát điện hiệu Honda, 01 cối xay bột, 01 cối xay chả, 01 cối nạo dừa, 01 bộ xoong (03 cái), 03 cái nồi hấp bánh, 01 cái nệm ngủ, 01 cái chăn đắp, 01 cái màn tin, 100 cái chén; 01 phần hui 500.000 đồng do bà Nguyễn Thị K làm chủ, có 25 phần với số tiền 12.500.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k.

- Về án phí:

Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 11.334.617 đồng (chưa nộp).

Anh Nguyễn Tùng L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 10.831.106 đồng. Ngày 14 tháng 6 năm 2018, anh L đã dự nộp án phí 1.234.000 đồng tại biên lai số 0012037 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đối trừ anh L còn phải tiếp tục nộp 9.597.106 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Chị Châu Tuyết H và anh Nguyễn Tùng L mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí đo đạc và định giá tài sản là 3.611.500 đồng. Chị H đã nộp xong, anh L có nghĩa vụ trả lại cho chị Hạnh số tiền 3.611.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Châu Tuyết H và anh Nguyễn Tùng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Quách Thị X, anh Nguyễn Văn, chị Nguyễn Thị Niềm, anh Nguyễn Minh Trường, anh Nguyễn Hoàng An và bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út